TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Châu Văn Dỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thanh V, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp HA, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Văn T và chi Nguyễn Thanh V thống nhất trình bày:

- Về hôn nhân: Anh chị chung sống vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi và ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh chị yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 18/11/2012 và cháu Trần Phương N, sinh ngày 29/01/2014, cháu A đang sống chung anh T và cháu N đang sống chung chị V. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo cháu N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ: Anh chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T và chị V có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh T, chị V chung sống vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị V.

[3] Về con chung, xét thấy: Cháu A đang sống chung anh T, cháu N đang sống chung chị V, hai cháu vẫn phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Anh T và chị V thống nhất giao cháu A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh T, chị V xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thanh V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 18/11/2012 cho anh Trần Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần Phương N, sinh ngày 29/01/2014 cho chị Nguyễn Thanh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thanh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001739 ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng